



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng Quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY TNHH GLOBAL CERT (GC-A)

Tiếng Anh/ in English: GLOBAL CERT LIMITED COMPANY (GC-A)

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 144 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/Head office: Lầu 1, Số 60 Đường Trần Văn Trà, Khu dân cư Hưng Phú, Phường Hưng Phú,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
*First Floor, No. 60 Tran Van Tra Road, Hung Phu Residential Area,
Hung Phu Ward, Can Tho City, Viet Nam*

Tel: + 84 986 040 279

Email: inf09.GCA@gmail.com

Website: <https://globalcert.vn>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/
Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/Accreditation period

Từ/ from /9/2026 đến/ to /9/2031



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/Product certification for the following scopes:

Thực phẩm, thuốc lá, thức ăn chăn nuôi/ Food, tobacco and animal feed:

ST T No	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Thức ăn thủy sản: Thức ăn hỗn hợp/ <i>Aquaculture feed: Compound feed</i>	QCVN 93:2025/BNNMT	QT21; HD20	5; 7
2.	Thức ăn thủy sản: Thức ăn bổ sung/ <i>Aquaculture feed: Feed supplements</i>	QCVN 94:2025/BNNMT	QT21; HD20	5; 7
3.	Thức ăn thủy sản: Thức ăn tươi sống/ <i>Aquaculture feed: Fresh live feed</i>	QCVN 100:2025/BNNMT	QT21; HD20	5; 7
4.	Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản/ <i>Aquaculture feed ingredients</i>	QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT	QT21; HD20	5; 7
5.	Thức ăn chăn nuôi (thức ăn truyền thống, thức ăn bổ sung, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho động vật cảnh, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc cho vật nuôi khác)/ <i>Animal feed (traditional feed, feed additives, complete feed for pets, complete feed and concentrated for other domestic animals)</i>	QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT	QT21; HD20	5; 7
6.	Thức ăn chăn nuôi - Thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm <i>Animal feed - Compound feeds for livestock</i>	QCVN 01-183:2016/BNNPTNT QCVN 01-183:2024/BNNPTNT	QT21; HD20	5; 7



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

Sản phẩm dầu mỏ và than cốc; Hóa chất, sản phẩm hóa và sợi; Sản phẩm cao su và nhựa/Coke and refined petroleum products; Chemicals, chemical products and fibres; Rubber and plastic products:

ST T No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1.	Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Hóa chất, chế phẩm sinh học/ <i>Aquaculture environmental treatment products: - Chemical, biological products</i>	QCVN 97:2025/BNNMT	QT21; HD21	5; 7
2.	Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin)/ <i>Environmental treating products in aquaculture - Mineral mixture, vitamin mixture</i>	QCVN 02-32- 2:2020/BNNPTNT	QT21; HD21	5; 7

Ghi chú/Note: Công ty TNHH Global Cert (GC-A) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*Global Cert Company Ltd., must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*

76

Handwritten signature

Handwritten signature